

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **35/2021/DS-ST**

Ngày: 19-5-2021.

V/v “*tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Mút

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST–DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐST –DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 152/3 ấp TH, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh Trần Quốc V ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu V1 cùng địa chỉ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968; bà Phạm Thị Y, sinh năm 1968, cùng địa chỉ cư trú: số 90/6 ấp AH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu V1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 152/3 ấp TH, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Thu V1 đồng thời được sự ủy quyền của anh Trần Quốc V trình bày:

Từ năm 2019 bà Phạm Thị Y, ông Nguyễn Văn N có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý của anh V; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên không có lập hợp đồng nhưng có thỏa thuận như sau: anh V sẽ giao thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý cho ông N, Y trước và đến khi thu hoạch tôm xong ông N, bà Y có nghĩa vụ trả tiền nợ cho anh V; đồng thời khi giao hàng thì ông N, bà Y kiểm tra ký nhận đầy đủ thì anh V sẽ viết hóa đơn để theo dõi nợ.

Trong thời gian mua bán có vụ nuôi thì ông N, bà Y trả tiền đầy đủ nhưng cũng có vụ nuôi thì ông N, bà Y trả một phần và nợ lại một phần. Đến cuối năm 2019 do nuôi tôm thua lỗ nên ông N, bà Y không trả nợ đủ cho anh V.

Vào ngày 03/11/2020 hai bên có đối chiếu công nợ thì ông N, bà Y có ký xác nhận còn nợ anh V số tiền 289.545.000 đồng. Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay ông N, bà Y không trả nợ nêu trên cho anh V. Ngoài ra số tiền ông N, bà Y còn nợ anh V là tiền chung của anh V và vợ là Nguyễn Thị Thu V1.

Tại phiên tòa chị được anh V ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y phải liên đới trách nhiệm giao trả anh Trần Quốc V và chị một lần số tiền 289.545.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Anh Trần Quốc V tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông N, bà Y đối với số tiền lãi là 16.822.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y cùng trình bày:

Trong năm 2019 ông, bà có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý của anh Trần Quốc V; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình.

Việc mua bán không làm hợp đồng, hai bên thỏa thuận khi giao hàng thì ông, bà phải kiểm tra ký nhận đầy đủ và bên anh V có viết hóa đơn để theo dõi nợ khi nào ông, bà thu hoạch tôm sẽ giao trả tiền cho anh V. Trong trường hợp ông, bà nuôi tôm có lãi thì trả đủ, nếu trường hợp nuôi thua lỗ thì có bao nhiêu trả bấy nhiêu, số tiền còn nợ lại anh V thì anh V chờ vụ nuôi sau có lãi ông, bà sẽ trả cho anh V.

Về giá mua bán hai bên có thỏa thuận như sau: Ông, bà mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý của anh V trả tiền sau khi thu hoạch tôm thì giá bán sẽ cao hơn so với những người mua bằng trả tiền mặt.

Vụ đầu ông, bà thu hoạch đủ vốn không có lãi nhưng ông, bà có trả đủ cho anh V. Đến vụ nuôi sau thì bị thua lỗ nên ông, bà chỉ trả cho anh V số tiền 150.000.000 đồng và còn nợ lại 289.545.000 đồng ông, bà có ký tên xác nhận nợ cho anh V ngày 3/11/2020. Từ khi ký xác nhận nợ cho anh V đến nay thì ông, bà không có trả đủ nợ nêu trên cho anh V.

Ngày 10/02/2021 âm lịch tôi có đến gặp anh V trả 15.000.000 đồng nhưng anh V không chịu nhận

Qua yêu cầu của anh V thì ông, bà đồng ý liên đới trách nhiệm giao trả cho V số tiền nợ là 289.545.000 đồng, tuy nhiên do hiện nay ông, bà không có khả năng trả một lần; ông, bà yêu cầu anh V cho ông, bà được trả nợ dần mỗi năm 50.000.000 đồng trả dần cho đến khi hết nợ

Đối với số tiền lãi là 16.822.000 đồng anh V tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với ông, bà thì ông, bà đồng ý. Hiện nay ông, bà không thuộc hộ nghèo và cũng không thuộc gia đình chính sách.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên Tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất ông N, bà Y còn nợ anh V số tiền 289. 545.000 đồng nhưng không thống nhất cách trả nợ. Do ông N, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh V trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Y đăng ký thường trú số 90/6 ấp AH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ông N, bà Y phải liên đới trả cho anh V và chị V1 một lần số tiền 289.545.000 đồng. Ông N, bà Y đồng ý liên đới trả cho anh V số tiền 289.545.000 đồng nhưng xin được trả nợ dần mỗi năm 50.000.000 đồng.

[4] Chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 03/11/2020; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N, bà Y thừa nhận ông, bà có nợ anh V số tiền 289.545.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho anh V và chị V1 tiền nêu trên nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa anh V với ông N, bà Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do ông N, bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh V và chị V1 nên anh V yêu cầu ông N, bà Y có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V và chị V1 số tiền 289.545.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa anh V, chị V1 tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông N, bà Y đối với nợ lãi là 16.822.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của anh V, chị V1 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của ông N, bà Y, xét thấy: ông N, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh V, chị V1 trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V, chị V1. Mặc khác tại phiên tòa nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông N, bà Y. Do đó yêu cầu của ông N, bà Y không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ông N, bà Y phải liên đới nộp $289.545.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.477.250 \text{ đồng}$.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y phải liên đới trách nhiệm giao trả cho anh Trần Quốc V và chị Nguyễn Thị Thu V1 số tiền 289.545.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V đối với số tiền 16.822.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Y phải liên đới nộp 14.477.250 đồng.

Anh Trần Quốc V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 7.659.157 đồng theo biên lai thu số 0005079 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

.

